

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2026/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 20 tháng 5 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi
cho từng nhiệm vụ, hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật
cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính
sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành
Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc
biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;*

*Xét Tờ trình số 2206/TTr-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết quy định danh mục nhiệm vụ, hoạt
động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động xây dựng văn bản quy
phạm pháp luật cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Báo cáo thẩm tra của Ban
Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân
dân tỉnh tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định danh mục nhiệm vụ,
hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động xây dựng văn
bản quy phạm pháp luật cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức
khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật
cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

2. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thì áp dụng theo
quy định tại Nghị quyết số 197/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt
tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; Nghị định số
289/2025/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 về một số
cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp
luật và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc được giao nhiệm vụ trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.
2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật cấp tỉnh

1. Định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ đối với xây dựng mới, thay thế văn bản quy phạm pháp luật cấp tỉnh thực hiện theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Danh mục hoạt động, sản phẩm cụ thể và định mức khoán chi cho từng hoạt động cụ thể trong công tác soạn thảo, thẩm định, thẩm tra, tổng hợp, rà soát hồ sơ văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Trường hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung một số điều của văn bản quy phạm pháp luật cấp tỉnh thì áp dụng mức chi như sau:

a) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 văn bản quy phạm pháp luật trở lên thì áp dụng bằng tổng mức chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này;

b) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng bằng 60% tổng mức chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

4. Văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng bằng 30% tổng mức chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

5. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định thay đổi, tạm dừng hoặc chấm dứt nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thì nội dung nhiệm vụ, hoạt động đã thực hiện theo đúng quy định trước thời điểm cơ quan có thẩm quyền ra quyết định được thanh toán theo khối lượng công việc thực tế đã hoàn thành, trên cơ sở hồ sơ, chứng từ hợp pháp, hợp lệ và theo mức chi quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật do ngân sách nhà nước cấp tỉnh bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Người đứng đầu cơ quan chủ trì soạn thảo; cơ quan thẩm định; cơ quan tổng hợp, rà soát hồ sơ trình cơ quan, người có thẩm quyền và cơ quan thẩm tra, thông qua căn cứ tình hình thực tế và định mức khoán chi tối đa tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này để quyết định mức chi cụ thể đối với từng hoạt động, sản phẩm trong phạm vi dự toán được giao, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và không vượt định mức chi cho nhiệm vụ được giao quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 30 tháng 5 năm 2026.

2. Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, các nội dung chi, mức chi liên quan đến hoạt động thẩm tra, thông qua nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh không áp dụng theo các quy định tại Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Quảng Trị.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khoá IX, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 20 tháng 5 năm 2026.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Các bộ: Tư pháp, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và Phát thanh - Truyền hình Quảng Trị;
- Trung tâm điều hành thông tin tỉnh;
- Lưu VT, P. CTHĐND.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Quang

Phụ lục I
ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI CHO TỪNG NHIỆM VỤ XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CẤP TỈNH
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Loại văn bản	Nhiệm vụ soạn thảo	Nhiệm vụ thẩm định	Nhiệm vụ tổng hợp, rà soát hồ sơ của cơ quan trình dự thảo văn bản	Nhiệm vụ thẩm tra, thông qua
1	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	140	21	14	75
2	Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh	70	20	10	-
3	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	21	6	3	-



Phụ lục II

**DANH MỤC HOẠT ĐỘNG, SẢN PHẨM VÀ ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI CHO TỪNG HOẠT ĐỘNG CỤ THỂ TRONG
CÔNG TÁC SOẠN THẢO, THẨM ĐỊNH, THẨM TRA, TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
CẤP TỈNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Hoạt động	Sản phẩm	Mức khoản chi tối đa		
			Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
A	NHIỆM VỤ SOẠN THẢO		140	70	21
1	Truyền thông chính sách, văn bản quy phạm pháp luật	- Ấn phẩm truyền thông dạng in (sản phẩm báo chí được xuất bản; bài viết, bản tin khác, báo cáo tọa đàm, áp phích...) - Ấn phẩm truyền thông trên môi trường điện tử (website, video, sản phẩm số khác...)	5	3	1
2	Tổng kết việc thi hành pháp luật	Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật	6	3	-
3	Đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo văn bản	Báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo văn bản	6	3	-
4	Xây dựng Tờ trình	Tờ trình	8	6	2
5	Xây dựng dự thảo văn bản	Dự thảo văn bản	45	27	8
6	Đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo Nghị quyết được ban hành theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 21 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	Báo cáo đánh giá tác động của chính sách	8	-	-
7	Xây dựng bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo	Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo văn bản	8	5	-
8	Xây dựng bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy	Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ,	8	4	2

STT	Hoạt động	Sản phẩm	Mức khoán chi tối đa		
			Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
	phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
9	Tổ chức lấy ý kiến góp ý và phản biện xã hội đối với dự thảo văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo chủ động quyết định các sản phẩm và mức chi cụ thể đối với từng sản phẩm trong hoạt động tổ chức lấy ý kiến và phản biện xã hội đối với dự thảo	28	10	4
10	Lấy ý kiến cơ quan Đảng có thẩm quyền	Văn bản kết luận chủ trương của cơ quan Đảng có thẩm quyền	5	3	2
11	Xây dựng bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định	Bản tổng hợp, tiếp thu giải trình ý kiến thẩm định	6	3	1
12	Hoạt động khác	Cơ quan chủ trì soạn thảo chủ động quyết định các hoạt động, sản phẩm và mức chi cụ thể đối với từng hoạt động, sản phẩm khác trong nhiệm vụ soạn thảo văn bản QPPL	7	3	1
B	NHIỆM VỤ THẨM ĐỊNH		21	20	6
1	Tổ chức họp Hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định hoặc lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản	Biên bản họp/Ý kiến bằng văn bản	5	5	2
2	Xây dựng báo cáo thẩm định	Báo cáo thẩm định	15	14	3
3	Hoạt động khác	Cơ quan chủ trì thẩm định chủ động quyết định các hoạt động, sản phẩm và mức chi cụ thể đối với từng hoạt động, sản phẩm khác trong nhiệm vụ thẩm định văn bản QPPL.	1	1	1
C	TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ VÀ TRÌNH CẤP CÓ THẨM QUYỀN		14	10	3
1	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ dự thảo văn bản	Báo cáo/ý kiến của cơ quan tiếp nhận đối với hồ sơ dự thảo	1	1	1

STT	Hoạt động	Sản phẩm	Mức khoán chi tối đa		
			Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Lấy ý kiến các thành viên của cơ quan trình dự thảo văn bản	Văn bản tổng hợp ý kiến/Biên bản cuộc họp/Thông báo kết luận...	10	6	-
3	Hoàn thiện hồ sơ sau khi có ý kiến các thành viên của cơ quan trình dự thảo văn bản	Dự thảo văn bản sau khi có ý kiến các thành viên của cơ quan trình dự thảo văn bản	1	1	-
4	Trình hồ sơ dự thảo sau khi đủ điều kiện theo quy định.	Báo cáo/Phiếu trình hồ sơ dự thảo	1	1	1
5	Hoạt động khác	Cơ quan chủ trì tổng hợp, rà soát hồ sơ chủ động quyết định các hoạt động, sản phẩm và mức chi cụ thể đối với từng hoạt động, sản phẩm khác trong thực hiện nhiệm vụ tổng hợp, rà soát hồ sơ văn bản QPPL.	1	1	1
D	NHIỆM VỤ THẨM TRA, THÔNG QUA		75		
1	Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, cho ý kiến, quyết định đăng ký, đề nghị xây dựng văn bản		9,5		
a)	Văn bản lãnh đạo, chỉ đạo	Văn bản	4		
b)	Văn bản cho ý kiến đăng ký xây dựng nghị quyết hoặc quyết định ban hành danh mục nghị quyết	Văn bản	5,5		
2	Thẩm tra đăng ký, đề nghị xây dựng nghị quyết	Báo cáo thẩm tra	7,5		
3	Thẩm tra dự thảo nghị quyết		32		
a)	Tiếp nhận, rà soát hồ sơ, quy trình và tham mưu xây dựng các văn bản chuẩn bị thẩm tra	Công văn/Kế hoạch/Giấy mời họp phục vụ thẩm tra...	5		
b)	Xây dựng báo cáo thẩm tra	Báo cáo thẩm tra	27		
4	Nghiên cứu, thông qua nghị quyết; rà soát, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết, ký chứng thực, ban hành	Đại biểu HĐND tỉnh nghiên cứu, thông qua tại kỳ họp (300.000đ/01 đại biểu/01 nghị quyết); nghị quyết	26		